

Số: 118 /QĐ – THPTHB

Hạ Long, ngày 29 tháng 09 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**"V/v ban hành quy chế, quy định quản lý sử dụng
Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục
Năm học 2024 - 2025".**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT HOÀNH BỒ

Căn cứ điều lệ trường trung học phổ thông của Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT có hiệu lực từ ngày 01/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Chính phủ hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Hướng dẫn số 2593/SGDDĐT-KHTC, ngày 19/9/2023 về việc thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Hướng dẫn số 3308/SGD-ĐT-KHTC ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc triển khai thực hiện quản lý thu, chi trong các cơ sở giáo dục năm học 2024-2025;

Theo đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay ban hành kèm theo quyết định này Quy chế quản lý, sử dụng các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024 – 2025.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực trong năm học 2024 - 2025, mọi quy định trước đây trái với Quy chế này đều hủy bỏ.

Điều 3: Các bộ phận kế toán, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và toàn thể cán bộ, viên chức, lao động, học sinh trong trường có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Công đoàn;
- Lưu: VT, KT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Định

QUY CHẾ
QUY ĐỊNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ
PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2024 - 2025

Chương I
MỤC ĐÍCH, NGUYÊN TẮC VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ
XÂY DỰNG QUY CHẾ

Điều 1. Mục đích, nguyên tắc xây dựng quy chế

1. Mục đích

- a) Tạo quyền chủ động trong việc quản lý và chi tiêu tài chính cho Thủ trưởng đơn vị và viên chức, người lao động trong đơn vị.
- b) Là căn cứ để quản lý, kiểm soát thanh toán các khoản chi.

2. Nguyên tắc

- a) Quy chế được xây dựng nhằm đảm bảo sự công bằng trong việc thực hành nhiệm vụ và quyền lợi vật chất cho người lao động, đảm bảo dân chủ, công khai các hoạt động tài chính của đơn vị.
- d) Quy chế là cơ sở để quản lý, thanh toán, kiểm soát các khoản chi phí liên quan đến quản lý chi phí sử dụng điện máy điều hòa lớp học; dịch vụ học thêm tại trường; dịch vụ trông giữ phương tiện tham gia giao thông; phục vụ nước uống học sinh tại trường.

Điều 2. Cơ sở pháp lý

1. Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

4. Căn cứ kế hoạch số: 40 /KH-THPTHB ngày 10 tháng 09 năm 2024 Kế hoạch triển khai thực hiện các khoản thu chi năm học 2024 – 2025;

5. Căn cứ kết quả các cuộc họp của CB, GV, NV; họp hội đồng trường; họp nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh trường; họp cha mẹ học sinh các lớp; họp ban đại diện cha mẹ học sinh và trường ban đại diện CMHS các lớp về đề xuất tổ chức dịch vụ, thống nhất các khoản thu, kế hoạch triển khai thực hiện, dự toán chi và mức thu các khoản thu năm học 2024 – 2025;

6. Căn cứ tình hình thực tế của đơn vị.

Điều 3. Nguồn tài chính

- Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024-2025 gồm:

- +Phục vụ nước uống;
- +Trông giữ phương tiện tham gia giao thông của học sinh;
- +Học thêm các môn văn hóa;

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VÀ ĐỊNH MỨC CHI

Điều 4. Chi trả tiền nước uống, mua dụng cụ, quản lý cấp phát nước uống.

1. Tiền nước uống học sinh sử dụng được thanh toán vào cuối năm học theo số lượng nước học sinh sử dụng thực tế.
2. Chi mua dụng cụ phục vụ (giá để bình, cốc uống nước) theo số lượng thực tế cần bổ sung trong năm.
3. Chi cho công tác phục vụ cấp phát nước uống. Mức chi: 500.000đ/ người/ tháng x số tháng phục vụ cấp phát nước uống

Điều 5. Chi trả tiền công thuê mướn người trông giữ phương tiện, chi nộp thuế, chi công tác quản lý, chi mua vật tư, dụng cụ phục vụ trông giữ phương tiện

1. Chi trả tiền công thuê mướn người trông giữ phương tiện: Mức chi trả tiền công thuê mướn người trông giữ phương tiện: 6.536.600đ/ người/ tháng x số tháng thực tế trông giữ.
2. Chi nộp thuế theo quy định: Chi nộp thuế TNDN: Mức chi bằng 5% tổng chi dịch vụ; Chi nộp thuế GTGT: Mức chi bằng 5% tổng chi dịch vụ.
3. Chi cho công tác quản lý dịch vụ: Căn cứ khối lượng công việc phải thực hiện và trách nhiệm được giao của từng người, thủ trưởng đơn vị phân công nhiệm vụ và duyệt số buổi làm việc của cán bộ quản lý, nhân viên làm việc kiêm nhiệm trong tháng. Kế toán căn cứ bảng chấm công để thanh toán. Mức chi cụ thể như sau:

STT	Chức danh/ nhiệm vụ	Định mức/ người/ giờ	Ghi chú
1	Hiệu trưởng	235.000	01 người
2	Phó hiệu trưởng	198.000	02 người
3	Kế toán	99.100	01 người
4	Thủ quỹ	99.100	01 người

4. Chi mua vật tư, dụng cụ phục vụ trông giữ phương tiện: Gồm làm vé xe, mua khăn, sổ, bút, phấn...Mức chi theo thực tế.



Điều 6. Chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp giảng dạy, công tác quản lý dịch vụ, nộp thuế, tiền điện, nước uống, phục vụ vệ sinh, sửa chữa cơ sở vật chất.

1. Chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp giảng dạy: Mức chi mỗi giờ dạy không quá tiền lương bình quân 1 giờ dạy thêm của các giáo viên trực tiếp giảng dạy. Hàng tháng kế toán căn cứ bảng kê tiết dạy để thanh toán. Mức chi: 260.000đ/giờ dạy.

2. Chi cho công tác quản lý dịch vụ: Căn cứ khối lượng công việc phải thực hiện và trách nhiệm được giao của từng người, thủ trưởng đơn vị phân công nhiệm vụ và duyệt số giờ làm việc của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên làm việc kiêm nhiệm trong tháng. Hàng tháng kế toán căn cứ bảng chấm công để thanh toán. Mức chi cụ thể như sau:

STT	Chức danh/ nhiệm vụ	Định mức/ người/ giờ	Ghi chú
1	Hiệu trưởng	235.000	01 người
2	Hiệu phó	198.000	02 người
3	Tổ trưởng CM	148.000	04 người
4	Giáo viên quản lý lớp	148.000	25 người
5	Kế toán	99.100	01 người
6	Y tế	99.800	01 người
7	Tổ trưởng CM, Kiểm tra sĩ số, Kiểm tra nề nếp	148.000	09 người
8	Thủ quỹ- Văn thư	99.100	01 người

3. Chi nộp thuế theo quy định: Chi nộp thuế TNDN: Mức chi bằng 2% tổng chi dịch vụ.

4. Chi trả tiền điện, nước sinh hoạt, nước uống cho học sinh, phục vụ vệ sinh, sửa chữa cơ sở vật chất:

- Chi tiền công dọn vệ sinh, mua giấy vệ sinh, dụng cụ vệ sinh: Theo số lượng thực tế sử dụng.

- Chi sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ học thêm: Theo thực tế. Để thuận tiện cho việc thanh toán, các nội dung tại điều này có thể thanh toán gộp vào cuối kỳ hoặc cuối năm học.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

- Mọi thành viên trong nhà trường có trách nhiệm nghiên cứu kĩ và thực hiện đúng theo bản quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu thấy có những điểm còn chưa phù hợp cần kịp thời đề xuất, báo cáo để xem xét điều chỉnh bổ sung.

- Quy chế này được tổ chức thảo luận rộng rãi, dân chủ, công khai trong đơn vị, đã được thông qua trước toàn thể viên chức, người lao động. Mọi quy định trước đây trái với những Điều tại quy chế đều bị bãi bỏ.

